TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 08/2019/DS-PT Ngày: 11 - 01 -2019 V/v tranh chấp "Đòi lại tài sản"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Kim Em**;

Các Thẩm phán: Ông **Mai Hoàng Khải;**

Bà **Nguyễn Thị Sâm Hương.**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông **Trần Quang Minh**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*** Ông **Trần Minh Hoàng**, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 271/2018/TLPT-DS ngày 03 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp "Đòi lại tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 296/2018/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 348/2018/QĐ-PT ngày 03 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị Tuyết P**, sinh năm 1968;

Địa chỉ: số 372, Ô 1, khu II, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà P: Chị **Nguyễn Thị Huỳnh N**, sinh năm 1988; (có mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Bà **Thân Thị Kiều N**, sinh năm 1952; (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Thân Thị Kiều N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết P và người đại diện theo ủy quyền chị Nguyễn Thị Huỳnh N trình bày:

Ngày 22/8/2013, bà Nguyễn Thị Tuyết P có cho bà Thân Thị Kiều N vay 83.000.000 đồng, hai bên có lập biên nhận do bà N viết và ký tên, thỏa thuận thời hạn trả nợ 06 tháng, không thỏa thuận lãi suất. Từ khi vay tiền đến nay, bà Nhi không trả cho bà P khoản nào. Bà P nhiều lần yêu cầu bà N trả tiền nhưng bà N chỉ hứa hẹn mà không thực hiện.

Nay bà P yêu cầu bà N có nghĩa vụ trả cho bà P số tiền 83.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn bà Thân Thị Kiều N trình bày:

Từ trước năm 2013, bà có vay tiền của bà P nhiều lần, khi vay tiền bà có góp lại cho bà P. Đến ngày 22/8/2013, bà và bà P có tổng kết nợ với số tiền 83.000.000 đồng, bà có ký biên nhận cho bà P và thỏa thuận sẽ trả nợ cho bà P trong vòng 06 tháng. Nhưng sau đó gia đình bà gặp nhiều biến cố, gia đình lâm vào khó khăn nên chưa trả tiền được cho bà P. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên bà không khả năng trả 83.000.000 đồng làm một lần, bà xin bà P giảm nợ cho bà còn 50.000.000 đồng và cho bà trả dần trong 5 năm.

- Bản án sơ thẩm số: 296/2018/DS-ST ngày 19/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang căn cứ điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 280, 290, 305 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 3 Điều 23 của Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết P.

- Buộc bà Thân Thị Kiều N có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết P số tiền 83.000.000 đồng. Thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà N chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước công bố tại thời điểm thanh toán.

* Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 03/10/2018, bị đơn Thân Thị Kiều N kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu tính lại phần lãi suất đối với số tiền gốc ban đầu 20.000.000 đồng cho đến ngày 22/8/2013.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu tính lại tiền lãi trên vốn gốc ban đầu 20.000.000 đồng đến ngày 22/8/2013. Chị N đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của bị đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, không có kiến nghị gì.

+ Về nội dung vụ án: Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ gì mới nên không có cơ sở để chấp nhận, bị đơn có đơn xin miễn giảm án phí do lớn tuổi nên đề nghị sửa án sơ thẩm về án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật "Đòi tài sản" là phù hợp.

[2] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng bà P có cho bà N vay nhiều lần đến ngày 22/8/2013, bà N còn nợ bà P 83.000.000 đồng, cho trả trong thời hạn vay 06 tháng, đến hạn bà N không trả nên bà P khởi kiện yêu cầu bà N trả số tiền này. Bà N cho rằng bà vay của bà P nhiều lần lãi suất 5%/tháng, thời điểm tháng 12/2010 vốn gốc ban đầu bà vay chỉ 20.000.000 đồng, do bà không khả năng trả lãi nên bà P tính lãi nhập vốn đến ngày 22/8/2013 là 83.000.000 đồng buộc bà ký biên nhận. Xét thấy, lời trình bày của bà N là không có cơ sở, bởi lẽ bà N thừa nhận biên nhận ngày 22/8/2013 là do bà viết và ký tên, tại biên nhận không thể hiện tiền lãi (bút lục 29). Bà N không có căn cứ chứng minh được số tiền vốn ban đầu là 20.000.000 đồng và không được đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thừa nhận. Bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền 83.000.000 đồng nên bà P khởi kiện buộc trả số tiền trên và được Tòa sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ phù hợp quy định pháp luật. Tại tòa, bà N xin được giảm nợ và trả dần nhưng không được đại diện nguyên đơn đồng ý nên không có cơ sở để chấp nhận.

Tuy nhiên sau khi tòa án cấp sơ thẩm xét xử thì bà N có trả có bà P được 5.000.000 đồng, đại diện ủy quyền nguyên đơn đồng ý trừ ra trong số tiền 83.000.000 đồng còn lại 78.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về án phí: Trong giai đoạn phúc thẩm, bà N có nộp đơn xin miễn giảm án phí vì hiện bà đã lớn tuổi và hoàn cảnh gia đình khó khăn, đơn có xác nhận của chính quyền địa phương, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 miễn án phí sơ thẩm và phúc thẩm cho bà Nhi, sửa bản án sơ thẩm về phần án phí.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận phần yêu cầu kháng cáo của bà N. Sửa bản án sơ thẩm về phần án phí và phần 5.000.000 đồng đã trả sau khi xét xử sơ thẩm.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 357, điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 280, 290, 305 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 3 Điều 23 của Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Thân Thị Kiều N.

Sửa Bản án sơ thẩm số: 296/2018/DS-ST ngày 19/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết P.

- Buộc bà Thân Thị Kiều N có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết P số tiền 78.000.000 đồng. Thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà P có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi bà N thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bà N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

- Về án phí:

+ Bà Thân Thị Kiều N được miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm. Hoàn lại cho bà N 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0015221 ngày 08/10/2018 của Chi Cục thi hành án huyện C, tỉnh Tiền Giang.

+ Hoàn lại bà Nguyễn Thị Tuyết P 1.037.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0014933 ngày 30/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Cổng thông tin điện tử:
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

DSPT-2019-T

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kim Em